Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0307.60.50

Mã HS	0307.60.50
Mô tả hàng hóa	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Ốc, trừ ốc biển: / - - Hun khói
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 03:55:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03076050/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K719
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N719
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q719
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ719
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E717
ATIGA	2022	2022	0	AT!E718
ATIGA	2023	2023	0	AT!F718
ATIGA	2024	2024	0	AT!G718
ATIGA	2025	2025	0	AT!H718
ATIGA	2026	2026	0	AT!I718
ATIGA	2027	2027	0	AT!J718
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E720
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F720
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H720
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I720
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J720
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E722
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F722
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G722
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H722
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I722
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J722
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F724
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H719
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F720
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G720
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H720
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I720
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J720
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K720
VKFTA	2022	2022	0	VK!E718
VKFTA	2023	2023	0	VK!F718
VKFTA	2024	2024	0	VK!G718
VKFTA	2025	2025	0	VK!H718
VKFTA	2026	2026	0	VK!I718
VKFTA	2027	2027	0	VK!J718
VCFTA	2022	2022	11	VC!D729
VCFTA	2023	2023	9	VC!E729
VCFTA	2024	2024	6	VC!F729

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	4	VC!G729
VCFTA	2026	2026	2	VC!H729
VCFTA	2027	2027	0	VC!I729
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D726
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E726
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F726
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G726
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H726
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I726
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D735
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E735
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F735
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G735
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H735
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I735
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D719
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E719
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F719
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G719
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H719
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I719
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D721
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E721
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F721
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G721
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I721
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D719
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E719
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F719
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G719
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H719
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I719
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J719
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D722
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E722
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F722
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G722
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H722
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I722
RCEP B	2022	2022	0	B!D722
RCEP B	2023	2023	0	B!E722
RCEP B	2024	2024	0	B!F722
RCEP B	2025	2025	0	B!G722
RCEP B	2026	2026	0	B!H722
RCEP B	2027	2027	0	B!I722
RCEP C	2022	2022	0	C!D722
RCEP C	2023	2023	0	C!E722
RCEP C	2024	2024	0	C!F722
RCEP C	2025	2025	0	C!G722
RCEP C	2026	2026	0	C!H722
RCEP C	2027	2027	0	C!I722

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D722
RCEP D	2023	2023	0	D!E722
RCEP D	2024	2024	0	D!F722
RCEP D	2025	2025	0	D!G722
RCEP D	2026	2026	0	D!H722
RCEP D	2027	2027	0	D!I722
RCEP E	2022	2022	0	E!D722
RCEP E	2023	2023	0	E!E722
RCEP E	2024	2024	0	E!F722
RCEP E	2025	2025	0	E!G722
RCEP E	2026	2026	0	E!H722
RCEP E	2027	2027	0	E!I722
RCEP F	2022	2022	0	F!D722
RCEP F	2023	2023	0	F!E722
RCEP F	2024	2024	0	F!F722
RCEP F	2025	2025	0	F!G722
RCEP F	2026	2026	0	F!H722
RCEP F	2027	2027	0	F!I722
VIFTA	2024	2024	*	VI!F708
VIFTA	2025	2025	*	VI!G708
VIFTA	2026	2026	*	VI!H708
VIFTA	2027	2027	*	VI!I708

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0307.60 có 4 dòng thuế; dòng 0307.60.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hun khói.	0307.60.10 Sống; 0307.60.20 Tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; 0307.60.40 Khô, muối hoặc ngâm nước muối	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0307.60.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0307.60.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N719), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.